

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229 /2024/DS- ST

Ngày: 23 - 8 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Ngọc

2. Ông Nguyễn Ron

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Thao là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 394/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 210/2024/QĐST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị Thu H, sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ 3, Khu phố 5, phường N, Tp. Q, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1977 và bà Văn Thị P, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 3, Khu phố 5, phường N, Tp. Q, tỉnh B.

(Bà H có mặt, ông T và bà P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2024, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hà Thị Thu H trình bày:

Giữa bà Hà Thị Thu H với vợ chồng ông Nguyễn Đình T và bà Văn Thị P có quen biết nhau, ngày 24/7/2022 bà H có cho ông T và bà P mượn số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), mục đích mượn để chi tiêu gia đình, **tiền lãi các bên tự thỏa thuận**; hẹn đến ngày 28/9/2023 sẽ hoàn trả, hai bên có viết giấy mượn tiền (**viết giấy tay**). Từ khi vay đến nay ông T và bà P không trả lãi hàng tháng và không trả số tiền đã mượn khi đến hạn thanh toán ngày

28/9/2023, mặc dù bà đã nhiều lần điện thoại và đến nhà yêu cầu trả số tiền gốc và lãi còn nợ nhưng ông T và bà P vẫn không chịu trả. Nay bà H yêu cầu ông T và bà P phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/9/2023 cho đến ngày xét xử ngày 23/8/2024 theo mức lãi suất nhà nước quy định.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đình T và bà Văn Thị P đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng ông T và bà P không đến tham gia phiên tòa, vắng mặt không có lý do.

Tại bản tự khai ngày 06/5/2024 ông T khai: Ngày 24/7/2022 vợ chồng ông (Nguyễn Đình T và bà Văn Thị P) có mượn bà Hà Thị Thu H, sinh năm 1958. Trú tại: Tổ 3, Khu phố 5, phường N, Tp. Q, tỉnh B số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) hạn đến ngày 28/9/2023 sẽ hoàn trả. Chữ ký trong giấy mượn tiền viết tay là của vợ chồng ông. Sau khi vay vợ chồng ông trả đầy đủ tiền lãi cho bà H nhưng sau đó vì khó khăn nên không tiếp tục trả lãi và trả tiền nợ gốc khi đến hạn. Vợ chồng ông chấp nhận trả số tiền mượn gốc còn nợ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), xin trả hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ; xin không tính tiền lãi.

Đối với bà Văn Thị P: Quá trình giải quyết vụ án Tòa đã nhiều lần triệu tập họp lệ nhưng bà P không đến Tòa làm việc nên Tòa không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Thu H. Buộc bị đơn ông Nguyễn Đình T và bà Văn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/9/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm cho nguyên đơn.

+ Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hà Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đình T và bà Văn Thị P, trú tại: Tổ 3, Khu phố 5, phường N, Tp. Q, tỉnh B trả số tiền vay (gốc) còn nợ 30.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo giấy mượn tiền lập ngày 24/7/2022 nên xác định bị đơn là ông Nguyễn Đình T và bà Văn Thị P; quan hệ pháp luật được xác định: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc trường hợp tranh chấp về dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về vắng mặt đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho đồng bị đơn bà Văn Thị P nhưng bà P không đến Tòa làm việc. Tòa án kết hợp chính quyền địa phương đến nơi cư trú của bà P để tiến hành lấy lời khai, bà P có mặt ở nhà nhưng từ chối khai báo nên không lấy được lời khai. Trước khi xét xử, Tòa đã áp dụng các thủ tục theo quy định nhưng bị đơn ông Nguyễn Đình T và bà Văn Thị P không có mặt tại phiên tòa, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về tiền vay gốc: Bà Hà Thị Thu H có cho ông Nguyễn Đình T và bà Văn Thị P vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo giấy mượn tiền (viết giấy tay) ký ngày 27/4/2022, không thỏa thuận về lãi suất, mục đích vay để lo chi phí gia đình, có chữ ký của ông T và bà P. Theo thỏa thuận đến ngày 28/9/2023 ông T và bà P sẽ trả cho bà H số tiền này nên xác định đây hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, sau khi vay cho đến nay ông T và bà P không trả tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận và tiền gốc 30.000.000 đồng khi đến hạn. Bà H nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông T và bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, như vậy ông T và bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ông T và bà P trả số tiền vay gốc còn nợ 30.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi chậm trả: Tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng bị đơn cố tình chây ì, không muốn trả nợ số tiền vay gốc 30.000.000 đồng nên bà H yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/9/2023 (sau ngày khoản nợ vay đến hạn trả) cho đến ngày 23/8/2024 (ngày xét xử) theo mức lãi suất theo quy định. Nhận thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu trả lãi của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 29/9/2023 đến ngày 23/8/2024 là 330 ngày: 30.000.000 đồng x 330 ngày x 10%/365 ngày = 2.712.329 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Thu H, buộc ông Nguyễn Đình T và bà Văn Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị Thu H số tiền còn nợ: 32.712.329 đồng, trong đó: tiền vay gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 2.712.329 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Ông Nguyễn Đình T và bà Văn Thị P phải chịu 1.635.616 đồng (32.712.329 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà Hà Thị Thu H không phải chịu nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Thu H.

2. Buộc ông Nguyễn Đình T và bà Văn Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị Thu H số tiền còn nợ: 32.712.329 đồng (*Ba mươi hai triệu, bảy trăm mười hai nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng*), trong đó: tiền vay gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 2.712.329 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Đình T và bà Văn Thị P phải chịu 1.635.616 đồng (*Một triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng*).

3.2. Hoàn lại cho bà Hà Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0000613 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1 Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với

các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc

Nguyễn Ron

Ung Quang Định

